

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà JSC34, ngõ 164, đường Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

Điện thoại: 04.22250718, Fax: 04.22250716

Website: www.licogi166.vn Email: info@licogi166.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013



Optimized using
trial version
www.balesio.com

Hà Nội, tháng 4 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

I	Thông tin chung	2
II	Những sự kiện quan trọng	3
III	Quá trình phát triển	4
IV	Tình hình hoạt động	4
V	Định hướng phát triển	5

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I	Những nét nổi bật trong năm 2013	8
II	Những thay đổi chủ yếu trong năm 2013	12
III	Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	12

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I	Báo cáo tình hình tài chính	14
II	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	15
III	Những tiến bộ đã đạt được	16
IV	Kế hoạch 2014 và các năm tiếp theo	17

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I	Giải trình Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán	19
II	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	21

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

I	Cơ cấu tổ chức nhân sự	23
II	Ban giám đốc	25



VIÊN CỔ ĐÔNG

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Thống kê về cổ đông

29

33

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về công ty


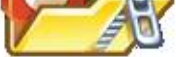
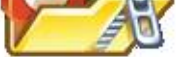
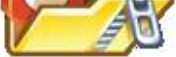
Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166
Tên tiếng Anh:	LICOGI 166 JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	LICOGI 166
Mã chứng khoán:	LCS
Địa chỉ trụ sở chính:	Tầng 4, Toà nhà JSC 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại:	04. 222 50718 Fax: 04. 222 50716
Website:	www.licogi166.vn Email: info@licogi166.vn
Mã số doanh nghiệp:	0102264629 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đổi lần thứ 9 ngày 4 tháng 10 năm 2012
Vốn điều lệ	76.000.000.000 đồng (Bảy mươi sáu tỷ đồng chẵn)
Số tài khoản:	2111 0000 189225 Ngân Hàng ĐT & PT, Chi nhánh Hà Nội

Logo Công ty:



2. Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty



Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102264629 ngày 4/10/2012 (thay đổi lần thứ chín), Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực:

-  ời, đất sét;
-  ng xây dựng khác chỉ kinh doanh các ngành nghề sau: thang
- n  ộng, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống
- á  thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, thiết bị phòng cháy chữa
- cháy, lắp đặt hệ thống chống sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chỉ kinh doanh các ngành nghề sau: thiết bị phòng cháy chữa cháy;

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng chi kinh doanh các ngành nghề sau: thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy các công trình xây dựng (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của Pháp luật);
- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh điện, nước, khí nén;
- Vận tải hành hóa;
- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (Trừ kinh doanh bất động sản).
- Các hoạt động dịch vụ: Cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác.
- Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng.
- Gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí.
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ, các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình.

II. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

- Ngày 18/5/2007, Công ty cổ phần LICOGI 16.6 được chính thức thành lập với số vốn điều lệ là 20 tỷ đồng. Trụ sở chính của Công ty đăng ký trụ sở tại Ô số 1, Lô 4, Đền Lừ 1, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
- Tháng 9/2009, Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ mới tại tầng 4, Tòa nhà văn phòng Công ty 34, ngõ 164, Khuất Duy Tiên, Thanh Xuân, Hà Nội.

-  Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng.
-  Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 41 tỷ đồng.

- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu của mình tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LCS.

- Tháng 7/2011, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 41 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng.
- Tháng 10/2012, Công ty thực hiện việc sáp nhập Công ty LICOGI 16.9 vào Công ty LICOGI 16.6 tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 76 tỷ đồng và đổi tên thành Công ty cổ phần LICOGI 166.
- Tháng 6/2013 Công ty CP Licogi 166 hoàn thành việc thoái vốn khỏi công ty CP Sông Đà Cao Cường thông qua việc bán 890.000 Cổ phiếu SCL.

III. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân là chi nhánh của Công ty CP Licogi 16 tại Hà Nội. Công ty CP Licogi 166 được thành lập bởi Công ty Cổ phần LICOGI 16 và một số tổ chức cá nhân có uy tín và năng lực trong lĩnh thi công xây lắp, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và đầu tư. Licogi 166 được kế thừa nền tảng kiến thức, kinh nghiệm của Licogi 16 trong công tác tổ chức và quản lý thi công, xây lắp (đặc biệt các công trình Giao thông, thủy lợi, thủy điện, cơ điện ...) trong lĩnh vực đầu tư và sản xuất vật liệu xây dựng.

Tiến tới mục tiêu đa dạng hoá ngành nghề hoạt động, Licogi 166 đã tiến hành đầu tư vào lĩnh sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng. Ngoài việc hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh Tro bay và sản xuất gạch nhẹ chung áp với Công ty CP Sông Đà Cao Cường trong những năm trước đây, Năm 2013 Licogi 166 chính thức tham gia đầu tư khai thác mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh với sản lượng khai thác hàng năm trên 500 ngàn m³/năm, sản phẩm đầu ra của mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh hướng đến thị trường là Khu kinh tế Vũng Áng huyện Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh nơi đặt siêu dự án Formosa hứa hẹn mang lại hiệu quả kinh tế cao.

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động thi công xây lắp

Trong vài lĩnh vực thi công thủy điện, cơ điện đã trở thành thương hiệu của các chủ đầu tư tin tưởng và giao trọng trách thi công các công trình, năm 2013 cũng là năm Công ty bắt đầu tham gia thi công Dự án Quốc lộ 1A, Dự án đường Hồ Chí Minh.

Mặc dù năm 2013 là năm nền kinh tế đất nước đối mặt với nhiều khó khăn, Licogi 166 cũng không phải là ngoại lệ, kết thúc một năm kinh tế âm ậm, tất cả các chỉ tiêu kinh tế của công ty đều không đạt mức như kỳ vọng.

Trong năm 2013, doanh thu thực hiện trong lĩnh vực thi công xây lắp của Công ty đạt giá trị trên 39.52 tỷ đồng chỉ đạt được 26,4% so với kế hoạch.

Các công trình tiêu biểu mà công ty đã và đang triển khai thi công:

- Công trình Thủy điện Bản Chát Công ty đảm nhận thi công các hạng mục: Bê tông RCC, Bê tông CVC (đỉnh đập, bù hạ lưu, nhà vận hành, nhà che giếng thang) và các hạng mục khác.
- San lấp mặt bằng khu kinh tế Nghi Sơn.
- Công trình điện hạ áp REII tại các tỉnh Hưng Yên, Thái Nguyên.
- Công trình Nhà máy khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo – Thái Nguyên.
- Các công trình tại Khu kinh tế Vũng Áng.
- Công trình Tháp điều áp: Thủy điện Mường Kim, thủy điện Nậm Tha 4 – Lào Cai...
- Công trình điện trung và hạ thế Bắc Ninh gói thầu: NPC/Dep2-MV/LV – W03.9.BN.
- Công trình Cải tạo mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Quảng Trị.
- Công trình trung tâm thông tin khu vực Miền Trung Tây Nguyên
- Và một rất nhiều công trình lớn nhỏ khác.

2. Hoạt động kinh doanh

Kinh doanh đá tại mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh:

Năm 2013 là năm đánh của việc đầu tư hết sức bài bản và đồng bộ của công ty vào lĩnh vực khai thác mỏ. Là lĩnh vực sản xuất kinh doanh tương đối mới mẻ của Công ty, năm 2013 chỉ riêng hoạt động kinh doanh tại mỏ đá đã mang về cho Công ty nguồn doanh thu 33,93 tỷ VNĐ tổng khối lượng đá và các sản phẩm từ mỏ

Kì

Ng



Optimized using
trial version
www.balesio.com

lưu nhất thi Công bê tông đầm lăn (RCC) và cung cấp tro bay làm vị cung cấp điện nước thi công tại công trình thủy điện Bản Chát. Nhiệm vụ của Công ty là các đơn vị thi công trên công trường. Để thực hiện việc kinh doanh này, Công ty đã đảm nhận thi công và tổ chức quản lý các hạng mục: Trạm bơm, bể chứa nước và hệ thống cấp nước, trạm biến

áp 35KV, hệ thống đường dây . . . để cấp cho tất cả các đơn vị thi công trên công trường.

Hoạt động kinh doanh điện nước đem lại doanh thu ổn định trong nhiều năm qua cho Công ty. Giá trị kinh doanh điện nước thi công của Công ty tại công trình thủy điện Bản Chát năm 2013 đạt doanh thu 1,222 tỷ đồng.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Để xây dựng công ty trở thành một tổ chức lớn mạnh và bền vững, có vị thế và có uy tín trong lĩnh vực mà công ty tham gia, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thống nhất định hướng phát triển hoạt động của công ty trong thời gian sắp tới chủ yếu tập trung vào 2 lĩnh vực chính: Lĩnh vực thi công xây lắp (*trọng tâm là xây lắp cơ điện, thi công hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, các công trình giao thông*) và tập trung nguồn lực cho lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (khai thác và chế biến các sản phẩm từ mỏ đá Sao Thổ).

1. Tầm nhìn:

LICOGI 166 phấn đấu trở thành một thương hiệu lớn mạnh, có uy tín và vị thế trong các lĩnh vực thi công xây lắp mà công ty có nhiều kinh nghiệm như, thi công xây lắp cơ điện; Giao thông, thủy lợi, hạ tầng, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

2. Sứ mệnh:

Công ty Cổ phần LICOGI 166 không ngừng nỗ lực và sáng tạo trong lao động sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, hướng tới sự hài lòng của khách hàng.

Xây dựng và giữ gìn môi trường làm việc thân thiện, năng động, chuyên nghiệp và minh bạch, dựa trên tinh thần đoàn kết, sáng tạo và trách nhiệm, tạo dựng sức mạnh tập thể, mang lại lợi ích cho cán bộ công nhân viên và cho các cổ đông và to

3.



hiển lược phát triển:

Ph của công ty vào 2 lĩnh vực chính gồm: Thi công xây lắp (tr cơ điện, thi công hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, các công . . .) và lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Lấy thi công xây lắp làm nền tảng nhằm duy trì và ổn định hoạt động của Công ty;

áp 35KV, hệ thống đường dây . . . để cấp cho tất cả các đơn vị thi công trên công trường.

Hoạt động kinh doanh điện nước đem lại doanh thu ổn định trong nhiều năm qua cho Công ty. Giá trị kinh doanh điện nước thi công của Công ty tại công trình thủy điện Bản Chát năm 2013 đạt doanh thu 1,222 tỷ đồng.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Để xây dựng công ty trở thành một tổ chức lớn mạnh và bền vững, có vị thế và có uy tín trong lĩnh vực mà công ty tham gia, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thống nhất định hướng phát triển hoạt động của công ty trong thời gian sắp tới chủ yếu tập trung vào 2 lĩnh vực chính: Lĩnh vực thi công xây lắp (*trọng tâm là xây lắp cơ điện, thi công hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, các công trình giao thông*) và tập trung nguồn lực cho lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (khai thác và chế biến các sản phẩm từ mỏ đá Sao Thổ).

1. Tầm nhìn:

LICOGI 166 phấn đấu trở thành một thương hiệu lớn mạnh, có uy tín và vị thế trong các lĩnh vực thi công xây lắp mà công ty có nhiều kinh nghiệm như, thi công xây lắp cơ điện; Giao thông, thủy lợi, hạ tầng, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

2. Sứ mệnh:

Công ty Cổ phần LICOGI 166 không ngừng nỗ lực và sáng tạo trong lao động sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, hướng tới sự hài lòng của khách hàng.

Xây dựng và giữ gìn môi trường làm việc thân thiện, năng động, chuyên nghiệp và minh bạch, dựa trên tinh thần đoàn kết, sáng tạo và trách nhiệm, tạo dựng sức mạnh tập thể, mang lại lợi ích cho cán bộ công nhân viên và cho các cổ đông và

3.



tiến lược phát triển:

Pl

(t
c

Optimized using
trial version
www.balesio.com

của công ty vào 2 lĩnh vực chính gồm: Thi công xây lắp cơ điện, thi công hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, các . . .) và lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Lấy thi công xây lắp làm nền tảng nhằm duy trì và ổn định hoạt động của Công ty;

- Không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, phát huy thế mạnh trong lĩnh vực thi công xây lắp nhằm duy trì sự phát triển ổn định của công ty trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn như hiện nay.
- Duy trì và mở rộng mối quan hệ với đối tác, khách hàng tìm kiếm các công trình, dự án mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Đẩy mạnh hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất và kinh doanh đá và các sản phẩm từ mỏ đá Sao Thổ – Hà Tĩnh;
- Kiên định mục tiêu phát triển bền vững, tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động và sáng tạo, tạo điều kiện tốt nhất để phát triển năng lực cá nhân và tạo dựng sức mạnh tập thể để mang lại lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp, cho các cổ đông và cho các thành viên trong công ty.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. NHỮNG NÉT NỔI BẬT TRONG NĂM 2013

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Doanh thu thuần: 82.025.678.149 tỷ đồng; đạt 27.1% so với KH năm 2013, giảm 85.44% so với năm 2012

- Lợi nhuận trước thuế: 551.020.811 đồng; đạt 4.04% so với KH, giảm 96.3 % so với năm 2012

- Lợi nhuận sau thuế: 354.669.841 đồng, đạt 3.47% so với KH, giảm 97% so với năm 2012

- Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2013

+ Lợi nhuận sau thuế: 354.669.841 đồng

+ Chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2013: 360.000.000 đồng

+ Trích lập các quỹ: Không


+ Lợi nhuận sau khi trích quỹ: 354.669.841 đồng

+ Chia cổ tức năm 2013: Không

+ Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2014: 354.669.841 đồng

- Thu nhập bình quân đầu người: Đạt mức bình quân 6 triệu đồng/người/tháng, tương ứng với mức thu nhập 72 triệu đồng/người/năm.

2. Tình hình thực hiện đầu tư của Công ty năm 2013

Stt	Danh mục đầu tư	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so với KH	Ghi chú
	 và thiết bị	31,600	6,494	30,06%	02 máy đào KOBELCO
	Optimized using trial version www.balesio.com t triển (khai thác đá xây dựng)	40,185			

2	1. Mở đá Sao thổ - Hà Tĩnh	30,685	31,080	101,3%	
	2. Góp vốn vào C.ty TNHH hoàng Đại thành	9,500	0	0%	
3	III/ Đầu tư TS cố định khác và bổ sung trang thiết bị văn phòng	1,187	0	0%	

Năm 2013 nền kinh tế Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp, trong bối cảnh đó HĐQT và Ban điều hành đã không ngừng tìm kiếm các giải pháp trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, cùng với sự chỉ đạo sát sao, linh hoạt với tinh thần trách nhiệm cao nhằm mục tiêu duy trì đà tăng trưởng của công ty như những năm trước đây. Tuy nhiên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013 đạt được là rất thấp so với kế hoạch.

a. Trong hoạt động thi công xây lắp:

Năm 2013, Công ty không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, kết quả các chỉ tiêu đạt tỷ lệ rất thấp, Doanh thu thực hiện trong hoạt động thi công xây lắp là 39.5 tỷ đồng, chỉ đạt 26.4 % kế hoạch năm. Nguyên nhân của việc không hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm được kiểm điểm và chỉ ra như sau:

- Khó khăn chung do suy thoái kinh tế dẫn đến nhiều dự án, công trình Công ty đã đấu thầu, đang theo đuổi để được chỉ định thầu hoặc giao thầu chưa bố trí được vốn nên bị dừng hoặc giãn tiến độ thi công.

- Các công trường có khối lượng, giá trị lớn (như công trình thủy điện Bản Chát) đã và thu hồi công nợ, không đạt kế hoạch, nên tài chính của Công ty rất khó khăn.

- Một số dự án về xây lắp của công ty phải tạm dừng do Chủ đầu tư chưa thực hiện đúng tiến độ như: Mặt bằng Khu kinh tế Nghi Sơn, Thủy điện Sông Nam

- Số lượng công trình, dự án mới gần như không có, chỉ thực hiện các công trình chuyên tiếp của năm 2012 sang và cơ bản được kết thúc trong năm 2013.

- Dự án đầu tư khai thác và sản xuất đá xây dựng tại mỏ đá Sao Thổ tập trung khá lớn về nguồn lực nhưng chưa được khai thác do đang chờ cấp giấy phép khai thác.
- Việc đầu tư khai thác và kinh doanh đá xây dựng hợp tác với Công ty TNHH Hoàng Đại Thành dừng không thực hiện do BDH nhận thấy có nhiều rủi ro do hiệu quả đầu tư thấp và khách hàng yếu kém về mặt tài chính.

b. Hoạt động kinh doanh thương mại

Doanh thu hoạt động kinh doanh thương mại đạt 38.9 tỷ đồng, vượt kế hoạch hơn 15 tỷ đồng, Trong đó:

- Doanh thu kinh doanh đá các loại tại mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh đạt 33.9 tỷ đồng;
- Doanh thu kinh doanh điện nước thi công tại công trình thủy điện Bản Chát và các hoạt động kinh doanh khác đạt doanh thu gần 5 tỷ đồng tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh thương mại là điểm mới về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm vừa qua. Trước nhu cầu về đá của dự án Formosa là rất lớn, công ty đã thành công trong việc duy trì việc cung cấp đá base thường xuyên cho dự án này, đây là hoạt động tuy hiệu quả kinh tế chưa cao nhưng có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn mỏ đá Sao Thổ đang chờ được cấp phép, đặc biệt đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp đá cho Licogi 16 tại Vũng Áng (Giá trị 67 tỷ) và có được dòng tiền giải quyết được khó khăn tạm thời về tài chính. Ngoài ra hoạt động kinh doanh điện nước tại công trường thủy điện Bản Chát năm 2013 cũng đóng góp cho công ty một nguồn thu đáng kể.

c. Công tác đầu tư:

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2013 chỉ đạt bình quân 51,5% bởi các nguyên nhân sau đây:

- Công tác xây lắp dự kiến ký hợp đồng và thi công năm 2013 bị đầu tư không bố trí được nguồn vốn như: San lấp mặt bằng, các Dự án tại khu kinh tế Vũng Áng, Thủy điện Sông Nam S



- Công tác quản lý và góp vốn vào Công ty TNHH Hoàng Đại Thành không thực hiện được hiệu quả đầu tư không đạt yêu cầu bởi dự án chỉ hiệu quả cho việc cung cấp đá cho thi công xây dựng gói thầu A4&5 tuyến đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, đoạn qua tỉnh Yên Bái. Dự án này do công ty

- Dự án đầu tư khai thác và sản xuất đá xây dựng tại mỏ đá Sao Thổ tập trung khá lớn về nguồn lực nhưng chưa được khai thác do đang chờ cấp giấy phép khai thác.

- Việc đầu tư khai thác và kinh doanh đá xây dựng hợp tác với Công ty TNHH Hoàng Đại Thành dừng không thực hiện do BDH nhận thấy có nhiều rủi ro do hiệu quả đầu tư thấp và khách hàng yếu kém về mặt tài chính.

b. Hoạt động kinh doanh thương mại

Doanh thu hoạt động kinh doanh thương mại đạt 38.9 tỷ đồng, vượt kế hoạch hơn 15 tỷ đồng, Trong đó:

- Doanh thu kinh doanh đá các loại tại mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh đạt 33.9 tỷ đồng;
- Doanh thu kinh doanh điện nước thi công tại công trình thủy điện Bản Chát và các hoạt động kinh doanh khác đạt doanh thu gần 5 tỷ đồng tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh thương mại là điểm mới về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm vừa qua. Trước nhu cầu về đá của dự án Formosa là rất lớn, công ty đã thành công trong việc duy trì việc cung cấp đá base thường xuyên cho dự án này, đây là hoạt động tuy hiệu quả kinh tế chưa cao nhưng có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn mỏ đá Sao Thổ đang chờ được cấp phép, đặc biệt đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp đá cho Licogi 16 tại Vũng Áng (Giá trị 67 tỷ) và có được dòng tiền giải quyết được khó khăn tạm thời về tài chính. Ngoài ra hoạt động kinh doanh điện nước tại công trường thủy điện Bản Chát năm 2013 cũng đóng góp cho công ty một nguồn thu đáng kể.

c. Công tác đầu tư:

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2013 chỉ đạt bình quân 51,5% bởi các nguyên nhân sau đây:

- Công tác xây lắp dự kiến ký hợp đồng và thi công năm 2013 bị d
k S
đầu tư không bố trí được nguồn vốn như: San lấp mặt bằng n, các Dự án tại khu kinh tế Vũng Áng, Thủy điện Sông Nam



- Công tác quản lý chi phí và góp vốn vào Công ty TNHH Hoàng Đại Thành không thực hiện được hiệu quả đầu tư không đạt yêu cầu bởi dự án chỉ hiệu quả cho việc cung cấp đá cho thi công xây dựng gói thầu A4&5 tuyến đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, đoạn qua tỉnh Yên Bái. Dự án này do công ty

Keangnam làm nhà thầu thi công, tuy nhiên khả năng tài chính của họ rất hạn chế, là một trong những gói thầu chậm tiến độ nhất của dự án này. Do vậy việc quyết định dừng lại đối với dự án này hoàn toàn hợp lý.

Về hiệu quả đầu tư:

- Giá trị thực hiện đầu tư năm 2013 chủ yếu tập trung cho khai thác và sản xuất Đá tại mỏ đá Sao Thổ: Đầu tư hoàn thành trạm nghiền sàng đá có công suất 392.000m³/năm; Bổ sung và hoàn thiện các công trình phụ trợ phục vụ cho khai thác và sản xuất, đầu tư 02 máy đào bánh xích gầu ngược KOBELCO, dung tích gầu 1,6m³.

- Chủ trương đồng thời vừa đầu tư vừa khai thác và sản xuất để mang lại doanh thu và lợi nhuận cho năm 2013, nhưng do giấy phép khai thác mỏ cũ đã hết hạn, thủ tục xin cấp phép gia hạn và mở rộng mỏ gặp nhiều vấn đề trục trặc, phát sinh ngoài mong muốn nên doanh thu và lợi nhuận từ khai thác sản xuất đá xây dựng là không đáng kể.

- Mặc dù chưa có được giấy phép khai thác nhưng tại mỏ đá Sao Thổ Công ty đã triệt để sử dụng về máy móc, thiết bị, lao động để tránh lãnh phí bằng hình thức cho thuê máy, nghiền sàng thuê cho đơn vị khác và kinh doanh thương mại để cung cấp đá cho Licogi 16 (thi công tại công trường Formosa) và cung cấp cho các đơn vị khác có nhu cầu.

d. Công tác tổ chức nhân sự.

- Năm 2013 vừa qua, một mặt Công ty tiến hành việc sắp xếp lại cơ cấu nhân sự trong toàn công ty để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, nâng cao hiệu quả làm việc của từng cá nhân người lao động, góp phần tiết giảm chi phí quản lý; Mặt khác vẫn đảm bảo duy trì đội ngũ Cán bộ công nhân viên nòng cốt có tay nghề và tâm huyết làm tiền đề quan trọng cho sự phát triển trong tương lai của công ty.



Optimized using
trial version
www.balesio.com

- Năm đánh dấu sự chuyển dịch cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý qua sơ đồ tổ chức và hoạt động mới của Công ty theo hướng tinh gọn, gọn nhẹ. Lãnh đạo thay vào đó là các Giám đốc Khối chức năng ưu việt rõ ràng trong khâu quản lý, điều hành, giúp Lãnh đạo tập trung vào công việc quản trị doanh nghiệp theo hướng tập trung, tạo lập được tính chuyên môn hóa cao, quá trình ra các quyết định được kịp thời, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động và kinh doanh của Công ty.

e. Công tác quan hệ nhà đầu tư:

- Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty cũng thực hiện tốt công tác quan hệ với nhà đầu tư và quan hệ công chúng, mọi thông tin liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, tới tình hình tài chính . . . đều được công bố với cơ quan chức năng và đăng công khai trên trang điện tử của công ty cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, truyền hình) theo đúng quy định của Pháp luật.

- Tính đến thời điểm 18/3/2014, công ty có tổng cộng 492 cổ đông, trong đó hơn 10 cổ đông là các tổ chức, các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán.

II. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 2013

- Năm 2013 là năm công ty thực hiện triệt để việc tái cấu trúc doanh nghiệp áp dụng mô hình quản trị theo các khối, tăng cường các hoạt động nhằm tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, sàng lọc bộ máy nhân sự nhằm phát huy năng lực và hiệu quả làm việc của người lao động để thích nghi với tình hình khó khăn chung của các doanh nghiệp – đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động thi công xây lắp.

- Thực hiện quản trị công ty, công bố thông tin đại chúng bằng quy chế quản trị công ty, quy trình công bố thông tin, các quy chế quản lý nội bộ khác.

- Điều chỉnh qui chế Tài chính, quy chế trả lương, thưởng theo hướng thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trên nguyên tắc công bằng. thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động trong Công ty.

III. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Nhằm xây dựng công ty trở thành một tổ chức lớn mạnh và bền vững, có vị thế và uy tín trong lĩnh vực mà công ty tham gia, xác định hướng đi đúng, có h
t
c
d
trì đà tăng trưởng trong những năm tiếp theo. Hội đồng quản
: thống nhất định hướng phát triển hoạt động của công ty vào
gồm: Lĩnh vực thi công xây lắp, lĩnh vực sản xuất và kinh
ụng.

Optimized using
trial version
www.balesio.com

phát triển như trên, Hội đồng quản trị đã thống nhất xác định các trọng tâm hoạt động của Công ty năm 2014 như sau:

a. Trong hoạt động thi công xây lắp và thi công cơ giới

- Công trình thủy điện Bản Chát: Hoàn thành công tác thi công các hạng mục bê tông CVC đỉnh đập, bê tông bù C2, R3, bê tông nền hành lang dọc, nhà vận hành cửa lấy nước, nhà che giếng thang, lan can đỉnh đập ... và các hạng mục khác phục vụ nghiệm thu bàn giao công trình trước 30 tháng 6 năm 2014.
- Công trình DEP Bắc Ninh: Hoàn thành công tác thi công, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng trong tháng 4 năm 2014.
- Công trình cải tạo mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Quảng Trị có giá trị hợp đồng 46 tỷ đồng, triển khai thi công từ tháng 12/2013, năm 2014 dự kiến giá trị thực hiện là 33,8 tỷ VNĐ và hoàn thành toàn bộ hợp đồng vào tháng 9 năm 2015.
- Công trình Trung tâm thông tin khu vực miền Trung – Tây Nguyên tại Đà Nẵng, giá trị hợp đồng 12,5 tỷ đồng, triển khai thi công từ tháng 4 năm 2014. Kế hoạch thực hiện năm 2014 3,8 tỷ VNĐ.
- Công trình Nhà máy thép Formosa – Hạng mục hệ thống đường chính thức Khu Bắc – Lát gạch vỉa hè triển khai thực hiện từ tháng 5 năm 2014, tiến độ thi công kế hoạch là 5 tháng với giá trị thực hiện đạt 17,7 tỷ VNĐ.
- Công trình đường Hồ Chí Minh tuyến Cam Lộ - Túy Loan (giá trị khoảng 100 tỷ) triển khai thi công trong tháng 5 năm 2014 và tiến độ thực hiện đến hết năm 2015.
- Tiếp tục theo đuổi các dự án khác như: Dự án thoát nước TX Bim Sơn, Cảng Lạch Huyện, Cảng Sông Hậu ...

b. Trong hoạt động kinh doanh thương mại

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Hợp đồng cung cấp đá xây dựng đã ký kết với Công ty CP Licogi 16 và hoạt động kinh doanh đá và các sản phẩm từ mỏ đá Sao Thổ - Hà Tĩnh.



Optimized using
trial version
www.balesio.com

Thực hiện tốt công tác quản lý và vận hành, kinh doanh điện nước cho các đơn vị thủy điện Bản Chát.

khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng

và chỉ đạo quyết liệt để hoàn thiện các thủ tục pháp lý và công tác khai thác mỏ đá Sao Thổ - Hà Tĩnh trước tháng 4 năm 2014 để triển khai sản xuất đá ngay khi được cấp phép.

- Dự kiến doanh thu đạt được của hoạt động sản xuất và bán các loại đá tại mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh trong năm 2014 ước đạt trên 41,5 tỷ đồng và hoạt động kinh doanh đá tại Hà Tĩnh đạt thêm 36 tỷ đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Theo báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán,

Tổng tài sản của Công ty vào thời điểm 31/12/2013 đạt giá trị **202.466.391.579** đồng.

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 là **354.669.841** đồng;

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013
1	Khả năng thanh toán			
a	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.22	1.11
b	Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1.31	1.38
2	Khả năng sinh lợi			
a	ROA	%	3.8	0.18
b	ROE	%	10.8	0.35

2. Các hệ số phù hợp trong kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2013
1	Cơ cấu tài sản		
a	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	33.11
b	- Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	%	66.89
	vốn		
	ổng nguồn vốn	%	50.37
	ủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	49.63

3. I. Báo cáo tài chính Công ty

Về tài chính: Năm 2013 cơ cấu tài sản của Công ty hiện nay được cho là an toàn, đảm bảo cân đối cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn toàn phù hợp với đặc thù chung của ngành xây dựng.

Về chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn: Với tỷ suất nợ là 50.37%, tỷ suất tự tài trợ là 49.63 % như hiện nay cho thấy, Công ty duy trì được tính tự chủ về tài chính ở mức an toàn.

Về chỉ tiêu khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán nhanh cũng như khả năng thanh toán hiện hành của công ty năm 2013 gần tương đương năm 2012, điều này thể hiện công ty cũng đã tích lũy được nguồn lực để đáp ứng cho yêu cầu sản xuất kinh doanh của mình. Với hệ số thanh toán hiện hành là 1,38 (lớn hơn 1) như hiện nay cho thấy, khả năng thanh toán của Công ty vẫn đảm bảo ở mức rất an toàn đối với các khoản nợ của mình.

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Chỉ số ROA , Chỉ số ROE của công ty năm 2013 đều giảm mạnh so với chỉ số của năm 2012 ở mức 0.18% và 0,35%. Bởi năm 2013 công trình thủy điện Bản Chát đã kết thúc, do vậy Công ty có sự thiếu hụt lớn về doanh thu, trong khi các dự án gối đầu chưa được triển khai.

4. Giá trị sổ sách của công ty

Trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013, Vốn chủ sở hữu của Công ty là tại thời điểm 31/12/2013 được phản ánh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013	100.484.791.494 đồng
2	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000 cổ phần
3	Giá trị sổ sách của cổ phiếu LCS	13.221,68 đồng/cổ phần

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản đạt được trong năm 2013.

ĐVT: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013
		308.428.232.473	202.466.391.579
	hạn	260.024.150.151	135.434.672.872
	oản tiền tương	3.206.566.437	4.163.666.116
2	Tư liệu tài chính hạn	231.520.639.964	103.294.601.864
3	Hàng tồn kho	17.460.607.818	26.793.534.618

Optimized using
trial version
www.balesio.com

4	Tài sản ngắn hạn khác	2.361.458.182	1.182.870.274
B	Tài sản dài hạn	48.404.082.322	67.031.718.707
1	Tài sản cố định hữu hình	39.365.589.645	28.734.731.522
2	Chi phí XDCB dở dang	1.035.213.000	32.972.977.552
3	Đầu tư tài chính dài hạn	4.094.000.000	0
II	Tổng nguồn vốn	308.428.232.473	202.466.391.579
A	Nợ phải trả	199.774.975.286	101.981.600.085
1	Nợ vay ngắn hạn	199.119.648.286	98.167.826.092
2	Vay và nợ dài hạn	655.327.110	3.813.773.993
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	108.653.257.187	100.484.791.494
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	76.000.000.000	76.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	7.616.480.409	7.616.480.409
III	Kết quả hoạt động s/xuất, k/doanh		
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	563.279.530.881	82.025.687.149
2	Doanh thu thuần về BH và CCDV	563.279.530.881	82.025.687.149
3	Giá vốn hàng bán	(532.979.227.203)	(67.824.924.696)
4	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	30.300.303.678	14.200.762.453
5	Thuế TNDN	(3.139.411.361)	(196.350.970)
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.705.579.019	354.669.841

III. NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- Mặc dù năm 2013 là năm khó khăn cho toàn bộ nền kinh tế, các chỉ tiêu kinh tế đều không đạt được so với kế hoạch đã đề ra, tuy nhiên bằng sự nỗ lực của Ban cán bộ công nhân viên toàn công ty đã thành công trong việc giữ vững và duy trì mức lợi nhuận, trong bối cảnh kinh tế khó khăn và cạnh tranh liệt giữa các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành.

- Với chương trình tái cấu trúc của Công ty mẹ và toàn hệ thống, Công ty đang từng bước xây dựng hình ảnh một công ty chuyên nghiệp thông qua việc kiện toàn bộ máy nhân sự, chú trọng xây dựng nguồn nhân lực cả về chất và lượng, quan tâm và đảm bảo ổn định các chế độ phúc lợi cho CBCNV. Năm 2013 là năm đánh dấu sự chuyển đổi mô hình hoạt động, Công ty

đã tiến hành xây dựng bộ máy điều hành theo mô hình các khối nhằm tăng cường công tác quản lý, điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, cơ cấu sắp xếp lại các phòng ban đơn vị, bố trí sắp xếp lại lực lượng lao động cho phù hợp, bước đầu hoạt động này đã mang lại hiệu quả rất tích cực.

- Xây dựng quy chế Quản trị công ty, Quy chế tài chính ... đảm bảo hiệu quả và công khai minh bạch trong quản trị, điều hành công ty.

- Xây dựng Quy chế trả lương trả thưởng rõ ràng và minh bạch, duy trì ổn định các chế độ phúc lợi xã hội, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng thành viên đối với Công ty, gắn liền chế độ tiền lương với năng suất và chất lượng công việc, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. KẾ HOẠCH NĂM 2014

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Tỷ lệ so với 2013
1	Doanh thu	82.026	219.880	268 %
2	Lợi nhuận trước thuế	551,020	0	
3	Vốn điều lệ	76.000	76.000	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	354,6	0	0
5	Tỷ lệ cổ tức	0	0	0
6	Thu nhập bình quân	6	6	100%

2. Công lĩnh vực thi công xây lắp và thi công cơ giới

Triển khai sản xuất để triển khai tốt, đảm bảo tiến độ thi công các công trình năm 2013 và các công trình mà công ty mới trúng thầu, như:

- Công trình Bản Chất: Hoàn thành công tác thi công các hạng mục bê tông cốt thép, bê tông bù C2, R3, bê tông nền hành lang dọc, nhà vận hành cửa lấy nước, nhà che giếng thang, lan can đỉnh đập ... và các hạng mục khác phục vụ nghiệm thu bàn giao công trình trước 30 tháng 6 năm 2014.

- Công trình DEP Bắc Ninh: Hoàn thành công tác thi công, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng trong tháng 4 năm 2014.
- Công trình cải tạo mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Quảng Trị đã triển khai thi công từ tháng 12/2013 và hoàn thành công tác thi công vào tháng 9 năm 2015.
- Công trình Trung tâm thông tin khu vực miền Trung – Tây Nguyên tại Đà Nẵng triển khai công tác thi công từ tháng 4 năm 2014.
- Công trình Nhà máy thép Formosa – Hạng mục hệ thống đường chính thức Khu Bắc – Lát gạch vỉa hè triển khai thực hiện từ tháng 5 năm 2014 hoàn thành công tác thi công trong tháng 10 năm 2014.
- Công trình đường Hồ Chí Minh tuyến Cam Lộ - Túy Loan triển khai thi công từ tháng 5 năm 2014 đến cuối năm 2015.
- Tiếp tục theo đuổi các dự án khác như: Dự án thoát nước TX Bim Sơn, Cảng Lạch Huyện, Cảng Sông Hậu ...
- Và một số công trình cũng như một số hợp đồng thi công xây lắp khác

3. Trong hoạt động kinh doanh thương mại:

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Hợp đồng cung cấp đá base đã ký kết với Công ty CP Licogi 16 và hoạt động kinh doanh đá và các sản phẩm từ mỏ đá Sao Thổ - Hà Tĩnh
- Thực hiện tốt công tác quản lý và vận hành, kinh doanh điện nước cho các đơn vị tại công trường thủy điện Bản Chát.
- Và một số hoạt động đầu tư khác.

4. Trong hoạt động khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng:

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý và công tác đầu tư tại mỏ đá Sao Thổ - Hà Tĩnh trước tháng 6 năm 2014 để triển khai sản xuất với cường độ cao ngay khi được cấp



u năm 2014 của mỏ đá Sao Thổ đạt trên 41,5 tỷ đồng và hoạt tại Hà Tĩnh đạt thêm 36 tỷ đồng.

đầu tư:

Optimized using trial version www.balesio.com trang thiết bị, máy phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2014 là 16.253.639.200 VNĐ (đã bao gồm thuế). Trong đó:

- Đầu tư bổ sung cho mỏ đá Sao Thổ với tổng giá trị là 2.529.000.000 VNĐ;

- Đầu tư mua sắm máy móc trang thiết bị thi công: 13.224.639.200 VNĐ;
- Đầu tư mua sắm thiết bị văn phòng là 500.000.000 VNĐ.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

a. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 04 38315100 Website: www.ey.com/vn


b. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần LICOGI 166 (“Công ty”) được trình bày từ trang 6 đến trang 37 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

T  ểm toán viên

T  úng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên
k của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các

c n Việt Nam, các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ
c quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện
cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của
Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro, các sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của cá chính sách kế toán được áp dụng và tính thích hợp của các ước tính kế toán của Ban giám đốc Công ty cũng như đánh giá trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để là cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

c. Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không có

2. Kiểm soát nội bộ

a. Nhận xét đánh giá:

- Ban kiểm soát đánh giá cao sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các nhân viên công ty trong việc định hướng, điều hành và thực hiện nhiệm vụ của mình trong toàn bộ hoạt động của mình.

- Công ty gặp nhiều khó khăn khi khôi phục thi công tại Công ty Chất đạt thấp hơn hẳn so với năm 2012 do các hạng mục đã hoàn thành. Ban điều hành đã rất nỗ lực tìm kiếm công việc thay thế.

- Trong năm mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh chưa chính thức được chính thức khai thác nhưng cũng đã góp một phần doanh thu đáng kể trong công tác nghiên sảng và là trun gian cấp đá base cho Licogi 16.

Trong năm Ban kiểm soát không nhận được đơn thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề có liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành của công ty.

b. Kiến nghị:

- Đề nghị Công ty thực hiện hoàn thiện hồ sơ đầu tư mỏ đá Sao Thổ và rà soát, lập quyết toán các hạng mục đầu tư đã hoàn thành, lập dự toán tổng thể - chi tiết, tiến độ đầu tư, tính toán lại các thông số về sản lượng khai thác kinh doanh, chi phí khai thác, giá thành, đơn giá bán và đơn giá khoán khai thác theo sản lượng để xác định hiệu quả.

- Đề nghị công ty tập trung cho công tác thu hồi công nợ.

- Tiết tục rà soát để tiết giảm chi phí.

- Hội đồng quản trị đã phê duyệt sơ đồ tổ chức và hoạt động theo từng khối chuyên biệt, đề nghị công ty nghiên cứu ban hành các quy định, quy trình để vận hành bộ máy thông suốt và hiệu quả.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Bảng cân đối kế toán

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

4. Thuyết minh báo cáo tài chính





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty cổ phần LICOGI 16

Công ty Cổ phần Licogi 16 là thành viên sáng lập của Công ty. Hiện nay, Công ty Cổ phần Licogu 16 đang nắm giữ 4.307.753 cổ phần của Công ty tương ứng với tỷ lệ 56,68 % tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Công ty cổ phần LICOGI 16 đã đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là LCG.



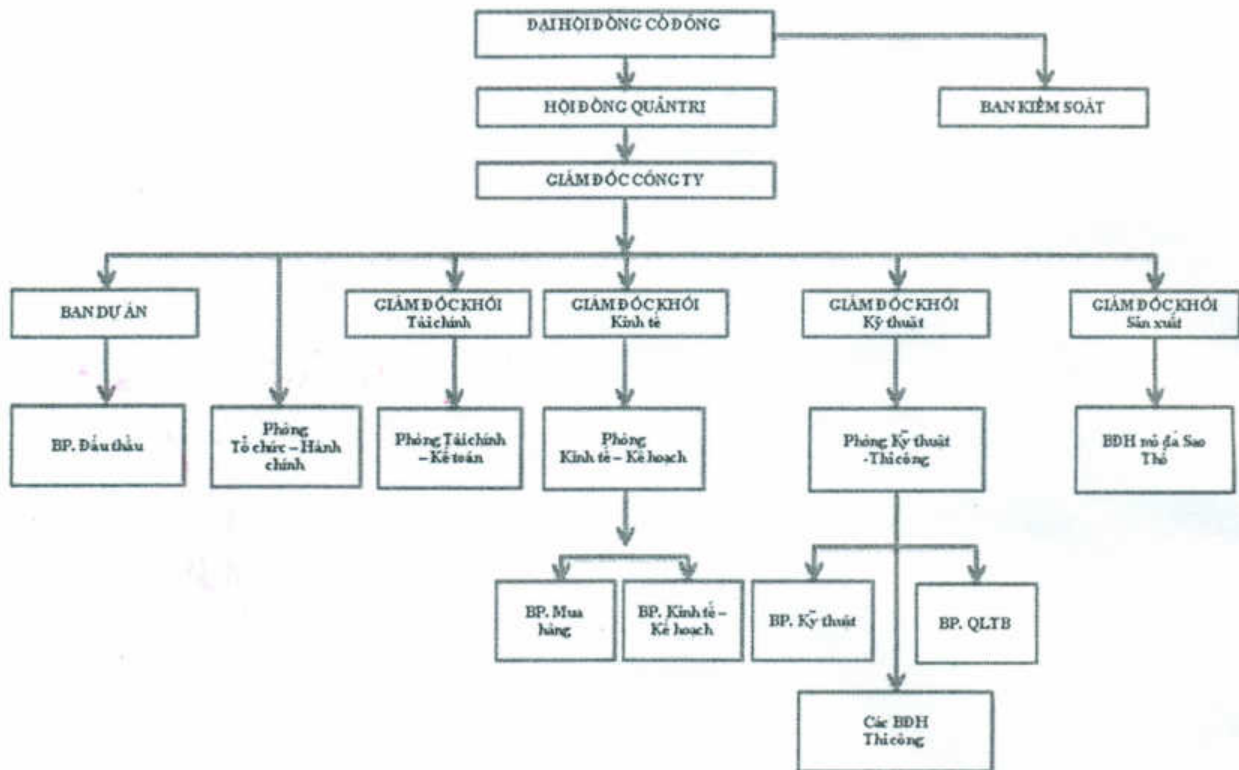
Optimized using
trial version
www.balesio.com

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Sơ đồ tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166



2. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

3.



Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

4. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

5. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và Giám đốc khối do HĐQT quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

6. Các phòng nghiệp vụ của Công ty

a. Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Phòng Kinh tế - Kế hoạch là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, do Giám đốc Công ty quyết định thành lập trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Kinh tế - Kế hoạch có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc công ty thực hiện nhiệm vụ quản lý và triển khai công việc trong các lĩnh vực Kinh tế, Kế hoạch và Đầu tư, Thị trường và Vật tư. Phòng Kinh tế – Kế hoạch do Giám đốc Khối Kinh tế trực tiếp phụ trách.

b. Phòng Kỹ thuật - Thi công

Phòng Kỹ thuật – Thi công là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, do Giám đốc Công ty quyết định thành lập trên cơ sở nghị quyết của HĐQT.

Phòng Kỹ thuật – Thi công có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty thực hiện công tác tổ chức và triển khai các hoạt động thi công xây lắp, khoa học kỹ thuật và quản lý xe máy thiết bị của Công ty. Phòng Kỹ thuật – Thi công do Giám đốc Khối kỹ thuật trực tiếp phụ trách.

c. Phòng Tài chính – Kế toán

Phòng Kế toán- Tài chính là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, do Giám đốc Công ty quyết định thành lập trên cơ sở nghị quyết của HĐQT.

Phòng Kế toán- Tài chính có nhiệm vụ tham mưu và giúp việc cho giám đốc Công ty thực hiện công tác quản lý về tài chính và kế toán trong Công ty: Xây dựng và quản lý tình hình sử dụng các nguồn vốn, đề xuất các biện pháp huy động và quản lý nguồn vốn; Phân tích hoạt động kinh tế phục vụ cho công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty; Tổ chức điều hành công tác kế toán, xây dựng và thực hiện các hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán; Xây dựng và tổ chức thực hiện trình tự luân chuyển chứng từ kế toán phục vụ công tác hạch toán kế toán và thống kê của Công ty. Kiểm tra kiểm soát chứng từ kế toán đảm



bảo các nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước và Công ty. Lập và gửi Báo cáo tài chính tháng, quý, năm theo quy định của Nhà nước và Công ty.

d. Phòng Tổ chức – Hành chính

Phòng Tổ chức – Hành chính là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, do Giám đốc Công ty quyết định thành lập trên cơ sở nghị quyết của HĐQT.

Phòng Tổ chức – Hành Chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc công ty thực hiện chức năng quản lý về Tổ chức - Lao động - Tiền lương - Thi đua - Hành chính - Quản trị và Thanh tra - Pháp chế.

d. Ban phát triển dự án:

Ban phát triển dự án là bộ phận tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác xây dựng chiến lược phát triển công ty, công tác đầu tư, marketing tìm kiếm việc làm, thực hiện công tác tiếp thị đầu thầu.

e. Các Ban điều hành Công trường: Là các đơn vị trực tiếp triển khai thực hiện các dự án thi công xây lắp và sản xuất của công ty sau khi hợp đồng được ký kết.

II. BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Thành phần Ban Giám đốc công ty

BAN GIÁM ĐỐC	CHỨC VỤ
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Giám đốc
Ông Trần Đình Tuấn	Giám đốc Khối Tài chính
Ông Vũ Đình Dũng	Giám đốc Khối Kinh tế
Ông Trần Hoàng Châu	Giám đốc Khối kỹ thuật
Ông Trần Văn Hưng	Giám đốc Khối sản xuất

2. Các thành viên trong Ban Giám đốc

a. Ông Nguyễn Quốc Đồng - Giám đốc Công ty

Optimized using
trial version
www.balesio.com

sinh: 31/08/1979

Nơi sinh: Quảng Bình

▪ Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: D120, Chung cư đường số 20, phường 5, Gò Vấp, Tp.HCM

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

- Ông Trần Đình Tuấn – Giám đốc khối Tài chính

- Ngày tháng năm sinh: 20/08/1958^{*} Nơi sinh: Thanh Hóa

- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: Số 25 - D6, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán

- Ông Vũ Đình Dũng – Giám đốc khối Kinh tế, kiêm trưởng phòng Kinh tế – Kế hoạch.

- Ngày tháng năm sinh: 27/12/1958 Nơi sinh: Hải Dương

- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: P. 303 - A11 - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

- Ông Trần Hoàng Châu – Giám đốc Khối Kỹ thuật, kiêm trưởng phòng Kỹ thuật Thi công.

- Ngày tháng năm sinh: 07/03/1973 Nơi sinh: Hà Nội

- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: Nhà 14 Ngách 14/31 Phố Pháo Đài Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

- Ông Nguyễn Văn Dũng - Giám đốc Khối sản xuất.

- Ngày tháng năm sinh: 20/8/1972 Nơi sinh: Hà Nội

- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: TT Xí nghiệp cơ giới 13, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí - chuyên ngành Máy xây dựng

3. Thay đổi thành viên Ban giám đốc

Trong năm 2013, Công ty không có sự thay đổi số lượng thành viên Ban giám đốc, tuy nhiên có sự thay đổi chức danh trong Ban giám đốc do có sự thay đổi mô hình tổ chức và hoạt động của Công ty, như sau:

- Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Tài chính đối với ông Trần Đình Tuấn ngày 11/12/2013.
- Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Kinh tế đối với ông Vũ Đình Dũng ngày 11/12/2013.
- Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Kỹ thuật đối với ông Trần Hoàng Châu ngày 11/12/2013.
- Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Sản xuất đối với ông Nguyễn Long Hưng ngày 11/12/2013.


4. Chính sách đối với người lao động

- Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 5 ngày/tuần. Tuy nhiên, thời gian làm việc tại các công trường sẽ được bố trí phù hợp với yêu cầu thi công trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Nghỉ Lễ, Tết, phép: Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp: Người lao động làm việc tại Văn phòng Công ty tại Tầng 4 Tòa nhà JSC34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân, Hà Nội được trang bị khang trang hiện đại; đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ theo đúng yêu cầu của Pháp luật.

-  o: X tr tá v
- n bền vững của Công ty chính đội ngũ CBCNV tâm huyết có, kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tuôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp làm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Trong năm qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Ngoài ra Công ty cũng ưu tiên bố trí CBCNV tham gia các khóa học chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc đào tạo bắt buộc đối với các vị trí

công việc đòi hỏi các yêu cầu khắt khe của Pháp luật như: Giám đốc điều hành mỏ, Kỹ sư khai thác mỏ, thợ mỏ ...

Trong năm 2014 cũng như trong những năm tiếp theo Công ty vẫn sẽ dành nguồn ngân sách cố định định cho hoạt động đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, đưa chính sách này trở thành chính sách dài ngò để thu hút người lao động.

- Chính sách lương:

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, đảm bảo người lao động hưởng mức lương tương xứng với công sức đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn, kinh nghiệm của mỗi người và phù hợp với các quy định của Nhà nước.

- Chính sách thưởng:

Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, hàng Quý, công ty đều xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỹ luật để khen thưởng, mức thưởng cho mỗi CBCNV bình quân từ nửa tháng đến một lương/quý.

Công ty còn xây dựng quỹ khen thưởng đặc biệt của Giám đốc, để khen thưởng đột xuất, kịp thời đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong sáng kiến lao động sản xuất ...

- Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ.

Khi điều kiện sản xuất cho phép Công ty thường tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV trung bình mỗi năm một lần.



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Vũ Công Hưng	Chủ tịch	
Ông Bùi Dương Hùng	Ủy viên	Ủy viên độc lập
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Ủy viên	Kiểm nhiệm Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Ủy viên	Kiểm Giám đốc khối Kinh tế
Ông Trần Đình Tuấn	Ủy viên	Kiểm Giám đốc khối Tài chính
Ông Lê Văn Hoạch	Ủy viên	Ủy viên độc lập
Ông Trịnh Thế Dũng *	Ủy viên	Ủy viên độc lập

(*) Ngày 11/4/2014 Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Đại Hội đồng cổ đông đã chấp thuận đơn xin từ nhiệm của Ông Trịnh Thế Dũng và không bầu thay thế Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012-2017.

Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị đề ra chủ trương, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và dài hạn trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua, Hội đồng quản trị chỉ đạo và điều hành Ban Giám đốc công ty tổ chức thực hiện.

HĐQT Công ty không thành lập các tiểu ban mà phân công từng thành viên HĐQT phụ trách từng phần công việc cụ thể như: phụ trách đầu tư, xây dựng cơ bản, Tổ chức nhân sự, Tài chính ...

1



– Chủ tịch HĐQT

m sinh: 18/12/1973

trú: Phòng B2410, nhà B chung cư 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

en môn: Kỹ sư xây dựng; Thạc sỹ QTKD

Optimized using
trial version
www.balesio.com

Ông Bùi Dương Hùng – Ủy viên Hội đồng quản trị

▪ Ngày tháng năm sinh: 02/9/1958

- Địa chỉ thường trú: Số 4A, khu nhà ở thấp tầng LICOGI 13, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Ông Nguyễn Quốc Đồng - Giám đốc Công ty, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 31/08/1979 Nơi sinh: Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: D120, Chung cư đường số 20, phường 5, Gò Vấp, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi, Thạc sỹ QTKD

Ông Trần Đình Tuấn – Ủy viên HĐQT, Giám đốc khối Tài chính

- Ngày tháng năm sinh: 20/08/1958
- Địa chỉ thường trú: Số 25 - D6, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán

Ông Vũ Đình Dũng – Ủy viên HĐQT, Giám đốc Khối Kinh tế


- Ngày tháng năm sinh: 27/12/1958
- Địa chỉ thường trú: P. 303 - A11 - Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Xây dựng

Ông Lê Văn Hoạch – Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 18/8/1959
- Địa chỉ thường trú: Số 23-D6 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy thủy lực, Cử nhân Kinh tế, Lý luận chính trị cao cấp.

Ông Trịnh Thế Dũng – Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 16/7/1958
- Địa chỉ thường trú: Số 56/8 Nam Cao, P. Tân Sơn, TP. Thanh Hóa

- b.  Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị Lý luận chính trị cao cấp.
cấu Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên	
Ông Trần Anh Khiêm *	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hưởng	Thành viên	

(*) Ngày 15/6/2013 Ông Trần Anh Khiêm có đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát. Ngày 11/4/2014 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Đại hội đã bầu ông Nguyễn Văn Hưởng làm thành viên BKS nhiệm kỳ 2012-2017 thay Ông Trần Anh Khiêm xin từ nhiệm.

Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Được quyền xem xét, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bảo đảm tính chính xác, trung thực về tình hình hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã định kỳ tổ chức họp nhằm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời nắm bắt và chỉ đạo xử lý các vấn đề vướng mắc. Để linh hoạt trong quản lý, điều hành, một số trường hợp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình bằng hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng bằng văn bản.

Hội đồng quản trị đã thống nhất thông qua nhiều nghị quyết, tài liệu quan trọng liên quan đến cơ cấu tổ chức và định hướng phát triển Công ty, nổi bật như sau:

- Điều hành trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Hội đồng cổ đông Công ty đặt ra.

- Trên cơ sở phân tích tình hình tài chính thực tế và tập trung vào lĩnh vực SXKD chính của công ty là Xây lắp và Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng. Hội đồng quản trị đã kịp thời điều chỉnh công tác đầu tư một cách linh hoạt để công ty có



dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Quyết định thoái vốn khỏi Công ty CP Sông Đà Cao Cường thông qua việc chào bán 890.000 cổ phiếu SCL.

+ Quyết định thoái vốn khỏi công ty mẹ thông qua việc chào bán tổng số 693.000 cổ phiếu LCG.

- Để đảm bảo mọi hoạt động của công ty luôn theo định hướng chung và được kiểm soát có hiệu quả nhằm tối đa hóa quyền lợi của cổ đông, công khai minh bạch mọi hoạt động, Năm 2013 Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế Tài chính và Quy chế quản trị Công ty và nhiều văn bản khác. Đặc biệt năm 2013 cũng là năm đánh dấu việc thay đổi mô hình hoạt động của công ty để phù hợp với tình hình thực tế, tăng cường hiệu quả của công tác điều hành sản xuất kinh thông qua việc phê duyệt sơ đồ tổ chức hoạt động mới của Công ty, sắp xếp, cơ cấu lại các phòng ban, tiến hành tinh giảm biên chế. Bước đầu của hoạt động này cho thấy hiệu quả làm việc của cá nhân người lao động, cơ chế vận hành của các phòng ban nói riêng và toàn công ty nói chung đã có chuyển biến rất tích cực.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2013, Ban Kiểm Soát đã định kỳ thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát tình hình hoạt động của Công ty bao gồm các nội dung:

- Thẩm định báo cáo tài chính;
- Xác định tình hình thực hiện kế hoạch SXKD;
- Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Xem xét việc ban hành nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc;
- Xem xét việc thực hiện chế độ tài chính kế toán, công tác quản lý kinh tế và các mặt hoạt động khác có liên quan trong quá trình hoạt động của công ty.



Optimized using
trial version
www.balesio.com

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

của Đại hội đồng cổ đông, năm 2013 Công ty chi trả thù lao kiểm soát theo mức: Chủ tịch HĐQT là 5 triệu đồng/tháng; Ủy viên HĐQT là 2 triệu đồng/tháng; Trưởng BKS là 3 triệu đồng/tháng; thành viên BKS là 2 triệu đồng/tháng; thư ký HĐQT là 1 triệu đồng/tháng. Tổng số tiền thù lao của HĐQT và BKS năm 2013 là 360 triệu đồng.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng tại thời 18/03/2014 (thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 theo danh sách Tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD cấp ngày 21/3/2014 số V199/2014-LCS/VSD-ĐK) được thống kê như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1	Vũ Công Hưng	Chủ tịch HĐQT	85.000	1,12%
2	Bùi Dương Hùng	UV HĐQT	0	0%
3	Nguyễn Quốc Đồng	UV HĐQT/Giám đốc	3.000	0,04%
4	Vũ Đình Dũng	UV HĐQT/Giám đốc khối Kinh tế	14.300	0,19%
5	Trần Đình Tuấn	UV HĐQT/Giám đốc khối Tài chính	4.000	0,05%
6	Lê Văn Hoạch	UV HĐQT	4.800	0,06%
7	Trịnh Thế Dũng	UV HĐQT	37.000	0,49%
8	Trần Hoàng Châu	Giám đốc khối Kỹ thuật	0	0%
9	Nguyễn Long Hưng	Giám đốc khối Sản xuất	9.600	0,13%
10	Nguyễn Thị Thuỷ	Trưởng BKS	3.000	0,04%
12	Nguyễn Anh Tú	Thành viên BKS	18.000	0,24%
13	Nguyễn Văn Hường	Thành viên BKS	0	0%
14	Hà Thị Huê	Kế toán trưởng	5.100	0,07%

6. Thành viên của Cổ đông nội bộ và người có liên quan

a.



T	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ	Tỷ lệ	Số cổ	Tỷ lệ	
	dịch					

			phiếu		phiếu		
1	Nguyễn Thị Hòa	Nguyễn Nguyễn Long Hưng – Giám đốc khối sản xuất	39.040	0,51%	40	0%	Bán

b. Các giao dịch khác: Không có

II. DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

1. Dữ liệu về cổ đông

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp ngày 21/03/2014, số liệu về cổ đông của Công ty được thống kê như sau:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty: 7.600.000 cổ phần

Tổng số cổ đông của Công ty: 492 cổ đông

Trong đó:

Công đông là tổ chức: 11 cổ đông nắm giữ 4.309.111 cổ phần

Cổ đông là cá nhân: 476 cổ đông nắm giữ 3.251.289 cổ phần

2. Thông tin về cổ đông nhà nước: Không có

3. Thông tin về cổ đông nước ngoài

TT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số CP nắm giữ
1	Browne Jeffrey Child	IA3630	12555 Green Meadow Pl., Elm Grove, WI 23122, USA	12.800
2		IA2154	4-3-11-404 Roppongi, Minato-ku, Tokyo, Japan	500
3		IS3232	6-5-5-603 chuourinkan Ymatoshi, Kanagawa-ken, Japan	100
4	America LLC	CA5883	PO Box CR-56766 Suite NAS485, Nassau Bahamas	26.200
	Tổng cộng			39.600

4. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Như vậy tính tới thời điểm báo cáo, mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2014

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VŨ CÔNG HƯNG



Optimized using
trial version
www.balesio.com

Công ty Cổ phần Licogi 166

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2013



Optimized using
trial version
www.balesio.com

EY

Building a better
working world

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 37



Công ty Cổ phần Licogi 166

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận sửa đổi sau đó với thay đổi gần nhất là lần thứ 9, ngày 4 tháng 10 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- ▶ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản;
- ▶ Kinh doanh điện, nước, khí nén;
- ▶ Kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- ▶ Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- ▶ Kinh doanh ô tô và phụ tùng ô tô;
- ▶ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (trừ kinh doanh bất động sản);
- ▶ Các hoạt động dịch vụ: cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác;
- ▶ Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng. Gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí; và
- ▶ Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng; các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Chủ tịch
Ông Bùi Dương Hùng	Thành Viên
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên
Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Hoạch	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Thành viên
Ông Trịnh Thế Dũng	Thành viên

BA



Thế

trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà

Trưởng Ban kiểm soát

Ông

Thành viên

Optimized using
trial version
www.balesio.com

Công ty Cổ phần Licogi 166

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quốc Đồng	Giám đốc
Ông Trần Hoàng Châu	Phó Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Long Hưng	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Đồng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Optimized using
trial version
www.balesio.com

Công ty Cổ phần Licogi 166

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Quốc Đồng
Giám đốc



)14

Optimized using
trial version
www.balesio.com

Số tham chiếu: 60992763/15624503

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 166

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") được lập ngày 16 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Optimized using
trial version
www.balesio.com



Building a better
working world

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Lê Đức Trường
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2014



Optimized using
trial version
www.balesio.com

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		135.434.672.872	260.024.150.151
110	I. Tiền	4	4.163.666.116	3.206.566.437
111	1. Tiền		163.666.116	3.206.566.437
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	-	5.474.877.750
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	23.620.978.356
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(18.146.100.606)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		103.294.601.864	231.520.639.964
131	1. Phải thu khách hàng	6.1	87.926.153.232	218.910.497.589
132	2. Trả trước cho người bán	6.2	14.336.383.701	12.074.099.825
135	3. Các khoản phải thu khác	7	1.149.187.181	606.315.900
139	4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(117.122.250)	(70.273.350)
140	IV. Hàng tồn kho	8	26.793.534.618	17.460.607.818
141	1. Hàng tồn kho		26.793.534.618	17.460.607.818
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.182.870.274	2.361.458.182
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		483.653.664	309.302.441
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	557.125.677
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		699.216.610	1.495.030.064
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		67.031.718.707	48.404.082.322
220	I. Tài sản cố định		61.707.709.074	40.400.802.645
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	28.734.731.522	39.365.589.645
222	Nguyên giá		67.751.292.313	74.963.291.651
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(39.016.560.791)	(35.597.702.006)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	32.972.977.552	1.035.213.000
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	-	4.094.000.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		-	8.900.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(4.806.000.000)
	Tài sản ngắn hạn khác		5.324.009.633	3.909.279.677
	Chi phí trả trước dài hạn	12	5.324.009.633	3.909.279.677
	TỔNG TÀI SẢN		202.466.391.579	308.428.232.473



Optimized using
trial version
www.balesio.com

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		101.981.600.085	199.774.975.286
310	I. Nợ ngắn hạn		98.167.826.092	199.119.648.176
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	44.615.435.692	47.385.124.851
312	2. Phải trả người bán	14	25.381.499.365	117.831.828.460
313	3. Người mua trả tiền trước	14	2.448.004.523	435.021.593
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.538.417.002	4.319.991.383
315	5. Phải trả người lao động		5.263.851.644	6.796.705.158
316	6. Chi phí phải trả	16	480.026.020	1.551.416.451
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	8.887.617.253	10.412.989.638
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	7.386.184.946	8.077.434.946
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	2.166.789.647	2.309.135.696
330	II. Nợ dài hạn		3.813.773.993	655.327.110
333	1. Phải trả dài hạn khác		173.773.993	173.773.993
334	2. Vay và nợ dài hạn	20	3.640.000.000	481.553.117
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		100.484.791.494	108.653.257.187
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	100.484.791.494	108.653.257.187
411	1. Vốn cổ phần	21.1	76.000.000.000	76.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	7.616.480.409	7.616.480.409
417	3. Quỹ đầu tư phát triển	21.6	5.990.880.189	4.820.322.287
418	4. Quỹ dự phòng tài chính	21.6	3.172.355.934	2.587.076.983
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	7.705.074.962	17.629.377.508
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		202.466.391.579	308.428.232.473

Đào Lan Tuyết

Đào Lan Tuyết
Người lập

Hà Thị Huệ

Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Đông

M.S.D.N: 018104629 - C.T.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
LICOGI 166
Đ. THANH HÓA QUẬN HÀ NỘI

Nguyễn Quốc Đông
Giám đốc



014

Optimized using
trial version
www.balesio.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	82.025.687.149	563.279.530.881
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	82.025.687.149	563.279.530.881
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(67.824.924.696)	(532.979.227.203)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.200.762.453	30.300.303.678
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	42.406.099	877.776.504
22	7. Chi phí tài chính	24	(3.047.705.025)	(6.953.354.819)
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		<i>(5.601.880.588)</i>	<i>(6.072.847.769)</i>
24	8. Chi phí bán hàng		(1.056.440.496)	(1.038.796.069)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(10.027.782.010)	(9.589.628.067)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		111.241.021	13.596.301.227
31	11. Thu nhập khác	25	2.836.363.636	1.961.118.182
32	12. Chi phí khác	25	(2.396.583.846)	(712.429.029)
40	13. Lợi nhuận khác	25	439.779.790	1.248.689.153
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		551.020.811	14.844.990.380
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(196.350.970)	(3.139.411.361)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		354.669.841	11.705.579.019
70	17. Lãi trên cổ phiếu	29		
	<i>Lãi cơ bản</i>		47	1.645
	<i>Lãi suy giảm</i>		47	1.645



Optimized using
trial version
www.balesio.com

Ngày 16 tháng 3 năm 2014

Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Đông
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		348.823.223.759	567.099.636.857
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(302.705.857.612)	(554.999.235.151)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(15.338.116.129)	(9.773.668.533)
04	Tiền chi trả lãi vay		(5.624.043.463)	(5.678.883.522)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	27.2	(3.754.614.093)	(4.070.492.212)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.180.869.186	8.901.145.057
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.957.692.635)	(9.042.548.294)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		19.623.769.013	(7.564.045.798)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(26.925.911.757)	(6.493.816.400)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3.120.000.000	1.388.000.000
25	Tiền thu từ bán các khoản đầu tư		12.144.518.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		42.406.099	1.767.774.227
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(11.618.987.658)	(3.338.042.173)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		63.310.872.975	94.784.932.783
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(62.922.115.251)	(81.198.648.841)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.436.439.400)	(11.970.022.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(7.047.681.676)	1.616.261.942
50	Giảm tiền thuần trong năm		957.099.679	(9.285.826.029)
60	Tiền tồn đầu năm		3.206.566.437	12.492.392.466
70	Tiền tồn cuối năm	5	4.163.666.116	3.206.566.437



Optimized using
trial version
www.balesio.com

Đ
Người lập

Hà Thị Huê
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Đồng
Giám đốc



Ngày 16 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận sửa đổi sau đó với thay đổi gần nhất là lần thứ 9, ngày 4 tháng 10 năm 2012.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh là:

- ▶ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản;
- ▶ Kinh doanh điện, nước, khí nén;
- ▶ Kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- ▶ Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- ▶ Kinh doanh ô tô và phụ tùng ô tô;
- ▶ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (trừ kinh doanh bất động sản);
- ▶ Các hoạt động dịch vụ: cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác;
- ▶ Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng. Gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí; và
- ▶ Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng; các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 125 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 311).



Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.



Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	bao gồm giá vốn nguyên vật liệu, nhân công, chi phí cho thuê phụ và các chi phí có liên quan khác của các công trình xây lắp chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận khối lượng tại ngày lập báo cáo tài chính.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 6 năm
Phương tiện vận tải	2 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc niên độ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009, và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



Chi trả và chi phí trích trước

Chi trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản dự phòng

Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Công ty trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định trong hợp đồng với khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 5% trên tổng giá trị công trình xây lắp.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") và Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư và phát triển



trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của

ng và phúc lợi

trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và lợi cho công nhân viên.

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng xây lắp đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành thực tế vào ngày kết thúc năm tài chính và đã được khách hàng xác nhận khối lượng đã hoàn thành tại thời điểm đó. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành



Optimized using
trial version
www.balesio.com

Thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính trong trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu trong hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



Optimized using trial version www.balesio.com

Công ty bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả của thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

hoặc một đơn vị chịu thuế; hoặc

- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày ôi kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ nợ ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản nợ phải trả đồng thời.



Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	33.939.655	80.878.804
Tiền gửi ngân hàng	129.726.461	3.125.687.633
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	4.163.666.116	3.206.566.437

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi bằng VNĐ có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Nội với lãi suất 6%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Licogi 16 (LCG)	-	-	693.022	23.620.978.356
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	-	(18.146.100.606)
TỔNG CỘNG	-	-	693.022	5.474.877.750

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	17.464.103.341	10.878.407.327
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	70.462.049.891	208.032.090.262
TỔNG CỘNG	87.926.153.232	218.910.497.589
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(117.122.250)	(70.273.350)

6.2 Trả trước cho người bán



người bán
các bên liên quan

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	14.336.383.701	8.419.107.279
Trả trước cho các bên liên quan	-	3.654.992.546
TỔNG CỘNG	14.336.383.701	12.074.099.825

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đặt cọc	600.000.000	600.000.000
Phải thu khác	549.187.181	6.315.900
TỔNG CỘNG	<u>1.149.187.181</u>	<u>606.315.900</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>549.187.181</i>	<i>6.315.900</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>600.000.000</i>	<i>600.000.000</i>

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	1.450.089.986	1.358.705.270
Công cụ, dụng cụ	347.866.769	492.858.122
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.995.577.863	15.609.044.426
TỔNG CỘNG	<u>26.793.534.618</u>	<u>17.460.607.818</u>



Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	10.389.871.961	42.447.805.229	21.436.653.258	688.961.203	74.963.291.651
- Mua trong năm	-	-	107.363.636	48.900.000	156.263.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.488.281.872)	-	(6.488.281.872)
- Giảm khác (*)	-	(425.211.636)	(107.353.643)	(347.415.823)	(879.981.102)
Số cuối năm	10.389.871.961	42.022.593.593	14.948.381.379	390.445.380	67.751.292.313
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	-	2.455.411.188	217.002.797	341.545.380	3.013.959.365
Giá trị hao mòn:					
Số đầu năm	994.251.874	21.353.119.050	12.665.152.211	585.178.871	35.597.702.006
- Khấu hao trong năm	397.963.808	5.999.921.686	2.718.502.957	46.008.045	9.162.396.496
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.951.868.610)	-	(4.951.868.610)
- Giảm khác (*)	-	(407.211.637)	(107.353.643)	(277.103.821)	(791.669.101)
Số cuối năm	1.392.215.682	26.945.829.099	10.324.432.915	354.083.095	39.016.560.791
	9.395.620.087	21.094.686.179	8.771.501.047	103.782.332	39.365.589.645
	8.997.656.279	15.076.764.494	4.623.948.464	36.362.285	28.734.731.522
	8.554.256.647	7.487.541.126	-	-	16.041.797.773

Optimized using trial version www.balesio.com

(*) Trong năm, Công ty đã phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC sang chi phí trả trước dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà văn phòng tại Nhơn Trạch - Đồng Nai	1.035.213.000	1.035.213.000
Mỏ đá Sao Thổ, Hà Tĩnh	31.937.764.552	-
TỔNG CỘNG	32.972.977.552	1.035.213.000

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (SCL)	-	-	890.000	8.900.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	-	-	-	(4.806.000.000)
TỔNG CỘNG	-	-	890.000	4.094.000.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thiết bị xây lắp	-	851.143.861
Chi phí giai đoạn đầu tư dự án mỏ đá Sao Thổ	5.235.697.633	3.058.135.816
Khác	88.312.000	-
TỔNG CỘNG	5.324.009.633	3.909.279.677

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (i)	41.005.435.692	44.808.499.851
hác (ii)	2.000.000.000	1.260.000.000
hạn phải trả (Thuyết minh số 20)	1.610.000.000	1.316.625.000
	44.615.435.692	47.385.124.851



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>				
<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	41.005.435.692	Từ ngày 29 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014	9.5%- 13%	Nhà văn phòng và phương tiện vận tải
TỔNG CỘNG	<u>41.005.435.692</u>			

(ii) Vay ngắn hạn khác là khoản vay từ Công ty TNHH Xây lắp Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất bằng lãi suất khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	11.804.249.133	16.957.970.455
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>13.577.250.232</u>	<u>100.873.858.005</u>
TỔNG CỘNG	<u>25.381.499.365</u>	<u>117.831.828.460</u>

14.2 Người mua trả tiền trước

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước	<u>2.448.004.523</u>	<u>435.021.593</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.448.004.523</u>	<u>435.021.593</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC



<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	991.372.083	4.157.844.708
cá nhân	543.529.130	162.146.675
	3.515.789	-
	<u>1.538.417.002</u>	<u>4.319.991.383</u>

Optimized using trial version www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	79.808.606	87.756.500
Chi phí thương hiệu phải trả	-	705.472.334
Chi phí lắp đặt cáp pha	-	531.139.241
Chi phí nhân công, thuê máy, mua bê tông	58.301.463	156.048.376
Chi phí vận chuyển đá	188.310.364	-
Các khoản khác	153.605.587	71.000.000
TỔNG CỘNG	480.026.020	1.551.416.451

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản ứng trước từ Licogi 16	3.354.486.335	3.354.486.335
Tiền phạt chậm nộp thuế phải trả	438.669.645	438.669.645
Bảo hiểm xã hội, y tế	1.873.875.631	1.588.516.673
Kinh phí công đoàn	361.932.277	143.446.505
Cổ tức phải trả	30.000.000	30.000.000
Thủ lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	360.000.000	318.600.000
Lãi vay phải trả	-	187.022.420
Phải trả tạm ứng thiếu của nhân viên	744.109.300	2.856.422.671
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.724.544.065	1.495.825.389
TỔNG CỘNG	8.887.617.253	10.412.989.638
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả khác</i>	5.533.130.918	7.058.503.303
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 28)</i>	3.354.486.335	3.354.486.335

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn là khoản trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định trong hợp đồng với khách hàng. Trong năm 2013, mức dự phòng được tính ở mức 3% trên tổng doanh thu (không bao gồm phần khối lượng thuộc trách nhiệm bảo hành của thầu phụ).

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI



ập Công ty Cổ phần Licogi 16.9

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
	2.309.135.696	1.190.786.884
	585.278.951	996.660.060
	-	169.688.752
	(727.625.000)	(48.000.000)
	2.166.789.647	2.309.135.696

Optimized using trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngân hàng	5.250.000.000	1.798.178.117
TỔNG CỘNG	5.250.000.000	1.798.178.117
<i>Trong đó:</i>		
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)	1.610.000.000	1.316.625.000
Nợ dài hạn	3.640.000.000	481.553.117

Các khoản vay ngân hàng dài hạn

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
				<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	130.000.000	Từ 2 - 4 năm	12%	Máy móc, thiết bị
<i>Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>130.000.000</i>			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5.120.000.000	Từ 3 - 4 năm	12,5%-13%	Máy móc, thiết bị
<i>Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.480.000.000</i>			
TỔNG CỘNG	5.250.000.000			
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.610.000.000</i>			



Optimized using
trial version
www.balesio.com

Công ty Cổ phần Licogi 166

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

21. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	60.000.000.000	4.822.978.000	2.473.170.485	1.236.585.241	21.910.438.731	90.443.172.457
- Tăng vốn do sáp nhập Công ty Cổ phần Licogi 16.9	16.000.000.000	606.500.000	-	-	-	16.606.500.000
- Chênh lệch giữa giá phí sáp nhập và tài sản thuần của Công ty Cổ phần Licogi 16.9	-	2.187.002.409	-	-	-	2.187.002.409
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.705.579.019	11.705.579.019
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
- Trích quỹ	-	-	1.993.320.121	996.660.061	(3.986.640.242)	(996.660.060)
- Tăng quỹ khác do sáp nhập Công ty Cổ phần Licogi 16.9	-	-	353.831.681	353.831.681	-	707.663.362
Số cuối năm	<u>76.000.000.000</u>	<u>7.616.480.409</u>	<u>4.820.322.287</u>	<u>2.587.076.983</u>	<u>17.629.377.508</u>	<u>108.653.257.187</u>
Năm nay						
Số đầu năm	76.000.000.000	7.616.480.409	4.820.322.287	2.587.076.983	17.629.377.508	108.653.257.187
- Chia cổ tức năm	-	-	-	-	354.669.841	354.669.841
- Trích quỹ	-	-	-	-	(7.600.000.000)	(7.600.000.000)
- Trích quỹ khác	-	-	1.170.557.902	585.278.951	(2.341.115.804)	(585.278.951)
- Trích quỹ khác	-	-	-	-	(337.856.583)	(337.856.583)
Số cuối năm	<u>76.000.000.000</u>	<u>7.616.480.409</u>	<u>5.990.880.189</u>	<u>3.172.355.934</u>	<u>7.705.074.962</u>	<u>100.484.791.494</u>



Optimized using trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

21. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.616.480.409	7.616.480.409	7.616.480.409	7.616.480.409
TỔNG CỘNG	83.616.480.409	83.616.480.409	83.616.480.409	83.616.480.409

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
	Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	
Vốn góp tại ngày 1 tháng 1	76.000.000.000	60.000.000.000
Tăng vốn cổ phần trong năm	-	16.000.000.000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	76.000.000.000	76.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.600.000.000	12.000.000.000

21.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	7.600.000.000	12.000.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	7.600.000.000	12.000.000.000
Cổ tức cho năm 2012: 1.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu (2011: 2.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu)	7.600.000.000	12.000.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-

21.5 Cổ phiếu

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ
Lưu hành	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
át hành và đầy đủ	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
ổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
ưu đãi	-	-	-	-
Lưu hành	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
ổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2012: 10.000 VNĐ).



Optimized using trial version
www.balesio.com

Lưu hành
át hành và
lầy đủ
ổ thông
ưu đãi

Lưu hành
ổ thông
Cổ phiếu ưu đãi

HỘI NHẬP NGÀNH & TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

21. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.6 Quỹ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	5.990.880.189	4.820.322.287
Quỹ dự phòng tài chính	3.172.355.934	2.587.076.983
TỔNG CỘNG	9.163.236.123	7.407.399.270

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	82.025.687.149	563.279.530.881
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	37.527.763.393	56.161.509.419
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	4.974.989.377	9.389.758.911
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	39.522.934.379	497.728.262.551
Doanh thu thuần	82.025.687.149	563.279.530.881
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa</i>	77.050.697.772	553.889.771.970
<i>Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ</i>	4.974.989.377	9.389.758.911

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm và tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	-	-
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	39.522.934.379	497.728.262.551
TỔNG CỘNG	39.522.934.379	497.728.262.551
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện tính từ đầu năm đến ngày 31 tháng 12	39.522.934.379	497.728.262.551



Động tài chính

in được chia

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
	42.406.099	531.265.504
	-	346.511.000
	42.406.099	877.776.504

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.701.227.438	48.881.309.398
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.139.797.350	8.069.285.543
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	28.983.899.908	476.028.632.262
TỔNG CỘNG	<u>67.824.924.696</u>	<u>532.979.227.203</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	5.601.880.588	6.072.847.769
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	880.507.050
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(2.554.175.563)	-
TỔNG CỘNG	<u>3.047.705.025</u>	<u>6.953.354.819</u>

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	2.836.363.636	1.961.118.182
<i>Thu thanh lý tài sản</i>	2.836.363.636	1.961.118.182
Chi phí khác	2.396.583.846	712.429.029
<i>Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản</i>	1.676.388.352	712.429.029
<i>Chi từ thiện</i>	662.812.426	-
<i>Chi phí khác</i>	57.383.068	-
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>439.779.790</u>	<u>1.248.689.153</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.885.167.407	403.444.174.282
Chi phí nhân công	16.239.078.594	20.332.630.371
Chi phí tài sản cố định	9.162.396.497	12.434.368.530
Chi phí mua ngoài	32.555.474.616	83.778.270.543
	7.118.669.205	14.324.849.538
	<u>81.960.786.319</u>	<u>534.314.293.264</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho Công ty là 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	196.350.970	3.139.411.361
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	-
TỔNG CỘNG	196.350.970	3.139.411.361

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	551.020.811	14.844.990.380
<i>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</i>		
Thù lao của Hội đồng Quản trị	177.000.000	219.000.000
Các khoản phạt	57.383.068	-
Hoàn nhập trợ cấp thôi việc phải trả chưa sử dụng hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và sau khi trừ thanh toán thực tế trong năm 2012	-	173.773.993
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện chịu thuế TNDN	-	(346.511.000)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	785.403.879	14.891.253.373
<i>Trong đó</i>		
Thu nhập được hưởng ưu đãi	-	7.778.693.114
Thu nhập không được hưởng ưu đãi	785.403.879	7.112.560.259
Lợi nhuận tính trong năm hiện hành	196.350.970	3.139.411.361
hải trả đầu năm	4.157.844.708	5.088.925.559
ế TNDN trích thiếu năm trước	391.790.498	-
ã trả trong năm	(3.754.614.093)	(4.070.492.212)
hải trả cuối năm	991.372.083	4.157.844.708



Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Doanh thu xây lắp Doanh thu bán đá và cho thuê thiết bị Các khoản phí phải trả	9.523.954.272 11.553.088.855 3.603.822.601
Công ty Cổ phần Licogi 16 - CN Hà Nội	Cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	9.502.530
Công ty Cổ phần Licogi 16 - Chi nhánh Lai Châu	Cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	37.734.945
Công ty Cổ phần Licogi 13	Cùng tập đoàn	Doanh thu xây lắp	134.958.965
Chi nhánh Công ty Licogi 13 – Vật liệu Xây dựng CMC	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu Mua máy móc Doanh thu cung cấp điện nước	9.661.082.303 12.316.269.903 60.793.131
Công ty Cổ Phần Licogi 17	Cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	235.305.289
Công ty Cổ phần Licogi 13 - XD & KT Công trình	Cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	19.003.662

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan cũng như mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.



Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			Đơn vị tính: VNĐ
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)			
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Doanh thu xây lắp	50.654.363.945
Công ty Cổ phần Licogi 16 - Lai Châu	Cùng tập đoàn	Doanh thu xây lắp	18.269.420.685
Công ty Cổ phần Licogi 13	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	1.335.237.072
Công ty Cổ phần Licogi 13 - XD & KT công trình	Cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	194.380.174
Công ty Cổ phần Licogi 17	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	7.242.660
Công ty Cổ phần Licogi 6	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	1.405.355
			70.462.049.891
Phải thu khác (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Đặt cọc	600.000.000
			600.000.000
Phải trả người bán (Thuyết minh số 14)			
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	1.798.963.770
Licogi 13 - Vật liệu xây dựng CMC	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu và thiết bị	11.778.286.462
			13.577.250.232
Phải trả khác (Thuyết minh số 17)			
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Ứng trước cho Công ty	3.354.486.335
			3.354.486.335

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

			Đơn vị tính: VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng			1.548.000.000	1.095.000.000
TỔNG CỘNG			1.548.000.000	1.095.000.000



Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	354.669.841	11.705.579.019
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>354.669.841</u>	<u>11.705.579.019</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.600.000	7.117.808
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>7.600.000</u>	<u>7.117.808</u>

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



m xét và tổng nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói

Optimized using trial version www.balesio.com

là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công ty biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau (tác động đến vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể):

Đơn vị tính: VNĐ

	Tăng/giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VNĐ	+100	(482.554.357)
VNĐ	- 100	482.554.357
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VNĐ	+300	(1.436.000.339)
VNĐ	-300	1.436.000.339

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa



về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và o một cách hợp lý.

Optimized using trial version
www.balesio.com

là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng g thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và số 28, phần lớn số dư công nợ phải thu khách hàng của Công ty tập trung vào các công ty liên quan, trong đó phần lớn là các khoản phải thu từ công ty mẹ, là Công ty Cổ phần Licogi 16.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:



Optimized using
trial version
www.balesio.com

00
NHÀ
NG T
EM
& Y
C N
A I
M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Các khoản vay và nợ	-	44.615.435.692	3.640.000.000	48.255.435.692
Phải trả người bán	25.381.499.365	-	-	25.381.499.365
Chi phí phải trả	480.026.020	-	-	480.026.020
Các khoản phải trả khác	2.468.653.365	-	-	2.468.653.365
	28.330.178.750	44.615.435.692	3.640.000.000	76.585.614.442
Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Các khoản vay và nợ	-	47.385.124.851	481.553.117	47.866.677.968
Phải trả người bán	117.831.828.460	-	-	117.831.828.460
Chi phí phải trả	1.551.416.451	-	-	1.551.416.451
Các khoản phải trả khác	4.352.248.060	-	-	4.352.248.060
	123.735.492.971	47.385.124.851	481.553.117	171.602.170.939

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.



Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Đơn vị tính: VNĐ

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh						
- Cổ phiếu niêm yết	-	-	23.620.978.356	(18.146.100.606)	-	5.474.877.750
Phải thu khách hàng	87.926.153.232	(117.122.250)	218.910.497.589	(70.273.350)	87.809.030.982	218.840.224.239
Phải thu khác	1.149.187.181	-	606.315.900	-	1.149.187.181	606.315.900
Các khoản tài sản tài chính dài hạn khác	-	-	8.900.000.000	(4.806.000.000)	-	4.094.000.000
Tiền	4.163.666.116	-	3.206.566.437	-	4.163.666.116	3.206.566.437
Tổng cộng	93.239.006.529	(117.122.250)	255.244.358.282	(23.022.373.956)	93.121.884.279	232.221.984.326



Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	48.255.435.692	47.866.677.968	48.255.435.692	47.866.677.968
Phải trả người bán	25.381.499.365	117.831.828.460	25.381.499.365	117.831.828.460
Chi phí phải trả	480.026.020	1.551.416.451	480.026.020	1.551.416.451
Các khoản phải trả khác	2.468.653.365	4.352.248.060	2.468.653.365	4.352.248.060
Tổng cộng	76.585.614.442	171.602.170.939	76.585.614.442	171.602.170.939


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.


Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản vay chịu lãi suất được ước tính bằng giá trị ghi sổ của các khoản mục này.

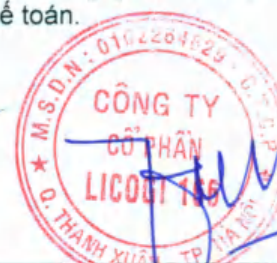
32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.


Đào Lan Tuyết
Người lập


Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Đồng
Giám đốc



năm 2014

Optimized using trial version
www.balesio.com